

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST

Ngày 26-9-2024

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Hồng Canh

Ông Nguyễn Thành Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tấn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đinh Tiến Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2024/QĐ – HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2014 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Bích H**, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Khu 11, xã Đ, huyện T, tỉnh P.

Bị đơn: Anh **Dương Văn D**, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Khu 11, xã Đ, huyện T, tỉnh P.

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt và anh D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn là chị Trần Thị Bích H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Dương Văn D có tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 12 năm 2000 tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh P. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tình cảm ban đầu hạnh phúc, đến năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D và chị không có tiếng nói chung, mâu thuẫn về quan điểm sống hiện nay và vợ chồng đã sống ly thân nhau không ai còn tâm đến nhau, chị và các con đã bỏ về nhà mẹ đẻ chị ở khu 5, xã Đ, huyện T, tỉnh P ở. Nay, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Dương Văn D.

Về con chung: Chị và anh Dương Văn D xác định có 02 con chung là:

1. Cháu Dương Tân N, sinh ngày 09-9-2001
2. Cháu Dương Thị Thuý N, sinh ngày 02-7-2006

Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án do anh Dương Văn D không hợp tác đến Tòa án làm việc nên chị và anh D không thoả thuận được về tài sản chung của vợ chồng là nhà và đất nên chị H đã đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng là nhà và đất theo quy định của pháp luật nhưng sau đó chị lại rút yêu cầu về chia tài sản chung của vợ chồng chị.

Về nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị Trần Thị Bích H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn là anh Dương Văn D: Quá trình giải quyết Tòa án tiến hành các trình tự, thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật báo gọi anh D đến Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ làm việc, anh D cũng không đến Tòa án làm việc, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của anh D tại nơi cư trú: Anh D khai anh và chị Trần Thị Bích H kết hôn với nhau từ năm 2000 kết hôn đúng pháp luật, sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau. Hiện chị H đã bỏ đi và không còn sống chung nhà với anh. Anh và chị H có với nhau 02 con chung là Dương Tân N, sinh ngày 09/9/2001 và cháu Dương Thị Thuý N, sinh ngày 02/7/2006 đều đang ở cùng chị H. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, quan điểm của anh là chị H đơn phương thì Tòa án muốn làm gì thì làm, anh không ký nhận bất kỳ văn bản tố tụng nào của Tòa án, kể cả các văn bản gửi qua đường bưu điện. Tuy nhiên, khi làm việc xong anh D không phối hợp ký nhận vào các văn bản tố tụng của Tòa án mặc dù anh D đã trình bày quan điểm và Tòa án đã ghi biên bản lời khai đúng như anh khai nhưng anh cố tình không ký biên bản gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án.

Toà án đã tiến hành xác minh tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh P được chính quyền địa phương cho biết: Chị Trần Thị Bích H và anh Dương Văn D là vợ chồng có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh P. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau, ban đầu hoà hợp hạnh phúc. Nhưng đến nay, anh chị có phát sinh mâu thuẫn do anh D và chị H không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Do vậy, chị H đã về nhà mẹ đẻ chị ở khu 5, xã Đ, huyện T, tỉnh P ở và vợ chồng đã không thực tế chung sống và đã sống ly thân nhau cho đến nay. Về con chung: Chị H và anh D có 02 con chung là Dương Tân N, sinh ngày 09/9/2001 và cháu Dương Thị Thuý N, sinh ngày 02/7/2006. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành và có khả năng lao động. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự.

Phát biểu của Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Bích H. Xử cho chị Trần Thị Bích H được ly hôn anh Dương Văn D.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn.

Chị Trần Thị Bích H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có nơi cư trú tại tại khu 11, xã Đ, huyện T, tỉnh P vì vậy tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của anh Dương Văn D nhưng anh D cũng không hợp tác, không ký nhận và từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ đã lập biên bản làm căn cứ tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã Đ và tại nơi cư trú khu 11, xã Đ, huyện T và niêm yết tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ Luật tố tụng dân sự. Tòa án chỉ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 208 Bộ Luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa và niêm yết các văn bản tố tụng đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định của pháp luật nhưng anh D vẫn từ chối không nhận và anh D biết việc chị H làm đơn khởi kiện đến Tòa án đề nghị cho chị H được ly hôn anh D và chia tài sản chung là nhà và đất nhưng anh Dương Văn D vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử xét thấy đơn xin xét xử vắng mặt của chị Trần Thị Bích H đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2. 1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Bích H và anh Dương Văn D đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 12 năm 2000 tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh P. Khi kết hôn hai bên tự nguyện, không bị ai ép buộc nên hôn nhân giữa chị H và anh D là hôn nhân hợp pháp. Trên cơ sở lời khai của chị H và biên bản lấy lời khai của anh D về tình trạng hôn nhân cho thấy: Trong quá trình chung sống, giữa chị H và anh D có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hai bên không có tiếng nói chung, không thể hàn gắn được. Thực tế chị H và anh D đã sống ly thân không ai còn quan tâm đến nhau. Chị H và các con đã về nhà mẹ đẻ chị ở khu 5, xã Đ, huyện T, tỉnh P để ở. Quá trình giải quyết anh D không

đến Toà án làm việc đã gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh D là mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đúng theo hướng dẫn tại điểm a khoản 3 điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ – HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình. Nên yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Bích H về việc xin ly hôn anh Dương Văn D là có căn cứ, đúng thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, xử cho chị Trần Thị Bích H được ly hôn anh Dương Văn D.

[2.2] Về con chung: Chị Trần Thị Bích H và anh Dương Văn D có 02 con chung là:

1. Cháu Dương Tân N, sinh ngày 09-9-2001
2. Cháu Dương Thị Thuý N, sinh ngày 02-7-2006

Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành, tự lao động được chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án ngày 02/7/2024 chị Trần Thị Bích H đề nghị Toà án chia tài sản chung của vợ chồng là nhà và đất, Toà án đã ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản khi ly hôn và chị Hồng đã nộp tạm ứng án phí chia tài sản sau ly hôn là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nhưng đến ngày 27/8/2024 chị H làm đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung và không đề nghị Toà án giải quyết về tài sản chung vợ chồng. Do đó Toà án đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng chị H. Chị Trần Thị Bích H được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

[2.4] Về nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị Trần Thị Bích H không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí: Chị Trần Thị Bích H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.6] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo Bản án.

[2.7] Đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Bích H về việc xin ly hôn anh Dương Văn D. Xử cho chị Trần Thị Bích H được ly hôn anh Dương Văn D.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Bích H và anh Dương Văn D có 02 con chung là: Cháu Dương Tân N, sinh ngày 09-9-2001 và cháu Dương Thị Thuý N, sinh ngày 02-7-2006 đều đã trưởng thành, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng chị Trần Thị Bích H.

4. Về nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Tòa án không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Bích H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số 0003788 ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Trả lại số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) là tiền tạm ứng án phí chia tài sản khi ly hôn cho chị Trần Thị Bích H theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số 0003864 ngày 10/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Thủy;
- Chi cục THADS huyện Thanh Thủy;
- UBND xã Đ, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương Thủy

